

LÝ THUYẾT CÂU BỊ ĐỘNG (PASSIVE VOICE)

PHẦN 1: TẬP TRUNG XÁC ĐỊNH TÂN NGỮ

I. Khái Niệm Cơ Bản Về Câu Chủ Động Và Câu Bị Động

Trong tiếng Anh, việc lựa chọn sử dụng câu chủ động hay câu bị động phụ thuộc hoàn toàn vào mục đích truyền tải thông tin của người nói hoặc người viết nhằm nhấn mạnh vào đối tượng nào.

1. Câu chủ động (Active Voice)

Câu chủ động được sử dụng khi chúng ta muốn nhấn mạnh vào **chủ thể thực hiện hành động** (Ai hoặc cái gì đã làm việc đó).

Mẫu câu chủ động: *Jack throws a snowball over the wall.*

Dịch nghĩa: Jack ném một quả bóng tuyết qua bức tường.

Giải thích: Trong câu này, người nói muốn người nghe tập trung vào **Jack** – người chủ động thực hiện hành động "ném".

2. Câu bị động (Passive Voice)

Câu bị động được sử dụng khi chúng ta muốn nhấn mạnh vào **hành động nào đã được thực hiện** hoặc đối tượng chịu tác động của hành động đó. Thường dùng khi không biết ai thực hiện hành động, hoặc thông tin đó không quan trọng, không muốn nhắc đến.

Mẫu câu bị động: *A snowball is thrown over the wall.*

Dịch nghĩa: Một quả bóng tuyết được ném qua tường.

Giải thích: Người nói chỉ muốn nhấn mạnh vào việc "quả bóng tuyết bị ném", còn việc ai ném (Jack hay ai khác) không còn là trọng tâm của câu nữa.

II. Hai Bước Quan Trọng Khi Biến Đổi Sang Câu Bị Động

Để chuyển đổi một câu từ chủ động sang bị động một cách chính xác, học viên bắt buộc phải thực hiện tốt hai bước nền tảng sau:

- Xác định cụm từ là Tân ngữ (Object):** Tìm tân ngữ của động từ trong câu chủ động, sau đó chuyển tân ngữ này lên làm Chủ ngữ (Subject) mới cho câu bị động.
- Xác định Thời/Thì (Tense) của câu:** Xem câu chủ động đang ở thì nào để lựa chọn cấu trúc động từ **to be** chia cho chính xác theo thì đó.

III. Công Thức Và Ví Dụ Chi Tiết Cho Hai Thì Cơ Bản

1. Thì Hiện tại đơn (Present Simple Tense)

Cấu trúc bị động:

S + be (am / is / are) + PII (V3/-ed) + (by + O)

Ví dụ minh họa phân tích:

Câu chủ động: *My Dad builds the house.* (Bố tôi xây ngôi nhà này.)

Phân tích từng bước:

- Bước 1: Xác định tân ngữ → **the house** (Ngôi nhà gánh chịu hành động xây). Đưa "the house" lên làm chủ ngữ mới.
- Bước 2: Xác định thì → Động từ "builds" ở thì **Hiện tại đơn**, chủ ngữ mới "the house" là số ít → dùng **is**.
- Bước 3: Chuyển động từ chính sang dạng Phân từ 2 (PII) → **built**.
- Bước 4: Thêm tác nhân → **by my father / by my Dad**.

Câu bị động hoàn chỉnh: *The house is built by my father.*

Dịch nghĩa: Ngôi nhà được xây bởi bố tôi.

2. Thì Quá khứ đơn (Past Simple Tense)

Cấu trúc bị động:

S + be (was / were) + PII (V3/-ed) + (by + O)

Ví dụ minh họa phân tích:

Câu chủ động: *My Dad built the house.* (Bố tôi đã xây ngôi nhà này.)

Phân tích từng bước:

- Bước 1: Xác định tân ngữ → **the house**. Đưa lên làm chủ ngữ mới.
- Bước 2: Xác định thì → Động từ "built" ở thì **Quá khứ đơn**, chủ ngữ mới "the house" là số ít → dùng **was**.
- Bước 3: Chuyển động từ chính sang dạng Phân từ 2 (PII) → **built**.

Câu bị động hoàn chỉnh: *The house was built by my father.*

Dịch nghĩa: Ngôi nhà đã được xây bởi bố tôi.

Mẹo nhỏ cho học viên: Tân ngữ (Object) thường là cụm danh từ đứng ngay sau động từ chính của câu chủ động. Hãy trả lời câu hỏi: "Chủ ngữ làm cái gì/tác động vào ai?" để tìm ra tân ngữ chính xác nhất.

IV. Luyện Tập: Xác Định Tân Ngữ Và Chuyển Sang Câu Bị Động

Yêu cầu: Học viên hãy đọc kỹ 10 câu chủ động dưới đây, tìm ra **Tân ngữ (Object)**, xác định **Thì (Tense)** của câu và tiến hành viết lại thành câu bị động tương ứng.

10 Bài tập thực hành ngay tại lớp:

1. *The mechanic repairs the blue car.*
2. *Mary baked a delicious chocolate cake yesterday.*
3. *The clean-up crew cleans the office every evening.*
4. *The famous director made that movie in 2023.*
5. *The dog bit the mailman this morning.*
6. *Children play football in the stadium.*
7. *Shakespeare wrote "Romeo and Juliet".*
8. *The company hires new employees every month.*
9. *The storm destroyed the small fishing village.*
10. *Farmers grow rice in tropical countries.*

V. Đáp Án Chi Tiết Và Giải Thích

Giáo viên hướng dẫn học viên đối chiếu kết quả theo bảng phân tích chi tiết từng câu dưới đây:

STT	Tân ngữ & Thì của câu gốc	Câu bị động hoàn chỉnh & Dịch nghĩa
1	- Tân ngữ: the blue car - Thì: Hiện tại đơn	<i>The blue car is repaired by the mechanic.</i> (Chiếc xe màu xanh được sửa bởi người thợ máy.)
2	- Tân ngữ: a delicious chocolate cake - Thì: Quá khứ đơn	<i>A delicious chocolate cake was baked by Mary yesterday.</i> (Một chiếc bánh sô-cô-la thơm ngon đã được nướng bởi Mary vào ngày hôm qua.)
3	- Tân ngữ: the office - Thì: Hiện tại đơn	<i>The office is cleaned by the clean-up crew every evening.</i> (Văn phòng được dọn dẹp bởi đội vệ sinh vào mỗi tối.)
4	- Tân ngữ: that movie - Thì: Quá khứ đơn	<i>That movie was made by the famous director in 2023.</i> (Bộ phim đó đã được thực hiện bởi vị đạo diễn nổi tiếng vào năm 2023.)
5	- Tân ngữ: the mailman - Thì: Quá khứ đơn	<i>The mailman was bitten by the dog this morning.</i> (Người đưa thư đã bị con chó cắn vào sáng nay.)
6	- Tân ngữ: football - Thì: Hiện tại đơn	<i>Football is played in the stadium by children.</i> (Bóng đá được chơi ở trong sân vận động bởi trẻ em.)
7	- Tân ngữ: "Romeo and Juliet" - Thì: Quá khứ đơn	<i>"Romeo and Juliet" was written by Shakespeare.</i> (Tác phẩm "Romeo và Juliet" đã được viết bởi Shakespeare.)
8	- Tân ngữ: new employees - Thì: Hiện tại đơn	<i>New employees are hired by the company every month.</i> (Các nhân viên mới được tuyển dụng bởi công ty hàng tháng - *Lưu ý dùng "are" vì employees số nhiều*.)
9	- Tân ngữ: the small fishing village - Thì: Quá khứ đơn	<i>The small fishing village was destroyed by the storm.</i> (Ngôi làng chài nhỏ đã bị phá hủy bởi cơn bão.)
10	- Tân ngữ: rice - Thì: Hiện tại đơn	<i>Rice is grown in tropical countries by farmers.</i> (Gạo được trồng ở các quốc gia nhiệt đới bởi những người nông dân - *Lưu ý "rice" là danh từ không đếm được nên dùng "is"*.)